

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐIỆN LỰC
HỘI ĐỒNG THI ĐGNL TIẾNG ANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG ANH TRÌNH ĐỘ TƯƠNG ĐƯƠNG B2

(Đợt thi ngày 14,15 tháng 10 năm 2023)

(Kèm theo biên bản họp HĐ ĐGNLNN số ngày tháng năm 2023)

STT	SBD	Mã sinh viên	Họ	Tên	Năm sinh	Nghe (thang điểm 20)	Nói (thang điểm 25)	Đọc (thang điểm 30)	Viết (thang điểm 25)	Tổng	Ghi chú
1	TA23481	1781820102	Nguyễn Thị Quỳnh	Anh	6/7/1998	6.0	21.0	17.0	17.0	61.0	
2	TA23482	1781410425	Nguyễn Đức	Duy	1/11/1999	6.0	22.0	20.0	14.0	62.0	
3	TA23483	19810710023	Nguyễn Hữu	Hoà	23/7/2001	8.5	21.0	23.0	21.0	73.5	
4	TA23484	18810420033	Vũ Quang	Linh	21/11/1999	6.0	22.0	19.0	18.0	65.0	
5	TA23485	19810710030	Lê Hoàng	Nam	1/1/2001	8.5	25.0	9.0	21.0	63.5	
6	TA23486	19810810083	Phan Hà Yến	Nhi	14/9/2001	10.0	24.0	22.0	9.0	65.0	
7	TA23487	1781820112	Tô Khánh	Quỳnh	7/8/1999	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
8	TA23488	19810710004	Đỗ Chí	Thanh	21/3/2001	10.0	20.0	24.0	21.0	75.0	
9	TA23489	19810710034	Nguyễn Phương	Thảo	19/5/2001	8.5	21.0	20.5	21.0	71.0	
10	TA23490	18819110017	Nguyễn Thành	Tín	22/02/2000	5.5	23.0	16.0	9.0	53.5	
11	TA23491	18810420030	Đinh Khánh	Toàn	13/8/2000	6.0	20.0	19.0	6.0	51.0	
12	TA23492	1781410135	Vũ Anh	Tú	7/2/1999	8.0	24.0	16.0	21.0	69.0	
13	TA23493	18810420029	Phạm Mạnh	Tuân	6/1/1999	5.5	23.0	17.5	20.0	66.0	
14	TA23494	1681410036	Nguyễn Đại	Việt	23/8/1997	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
15	TA23495	19810840001	Nguyễn Ngọc	Yến	4/8/2001	10.0	22.0	25.0	21.0	78.0	

Tổng số thí sinh theo danh sách: 15 thí sinh

Điều kiện để được công nhận Năng lực Tiếng Anh tương đương B2 theo khung tham chiếu chung Châu Âu:

1, Tổng điểm đạt: 60/100.

2, Kỹ năng nghe tối thiểu 7/20, Kỹ năng nói tối thiểu 8/25, Kỹ năng đọc tối thiểu 10/30, Kỹ năng viết tối thiểu 8/25.